

SÔNG LỢI NÔNG VÀ THƠ NGỰ CHẾ CỦA VUA MINH MẠNG VÀ THIỆU TRI

Lê Nguyễn Lưu*

Nguyễn Công Trí**

I. Thơ vua Minh Mạng

Tác giả những bài thơ đầu tiên về đề tài sông Lợi Nông không ai khác ngoài Hoàng đế Minh Mạng. Vua húy Nguyễn Phúc Đảm, sau khi được lập làm Đông cung hoàng thái tử mới đặt thêm tên Kiêu⁽¹⁾ (Nguyễn Phúc Kiêu, cũng đọc Huệ hay Hạo), chào đời ngày 23 tháng Tư năm Tân Hợi (25/5/1791) tại lân Tân Lộc, phía hữu thành Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), nơi “*nhà cũ của Tổng Quốc công phu nhân*” (tức vợ của Tổng Phúc Khuông, thân mẫu của bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu Tổng Thị Lan, vợ chính của vua Gia Long, sinh ra Đông cung hoàng thái tử Cảnh). Chẳng may Đông cung Cảnh mất ngay khi vua Gia Long khôi phục đô thành Phú Xuân. Sau nhiều năm chần chừ, vua Gia Long mới đi đến quyết định sách phong hoàng tử Đảm làm Đông cung, cử hành lễ sách lập tại điện Thái Hòa ngày 11 tháng Sáu năm Bính Tý (5/7/1816). Vua Gia Long băng hà (3/2/1820), Hoàng thái tử Đảm đăng quang, lấy ngày mồng 1 tháng Giêng năm Canh Thìn (14/2/1820) làm Minh Mạng nguyên niên. Sau hai mươi năm tại vị, thực hiện nhiều công trình về mọi mặt, tạo nền móng vững vàng cho triều đại, ông băng hà vào ngày 28 tháng Chạp năm Canh Tý (20/1/1841), táng tại núi Cẩm Khê, ấp An Bằng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, gọi là Hiếu Lăng.

Bình sinh, vua Minh Mạng rất thích làm thơ, không nhắm mục đích “luu danh thiên cổ”, mà để thỏa mãn cái nhu cầu biểu hiện tư tưởng, tình cảm của mình. Ông không cần nhiều đề tài lắm mà vẫn có rất nhiều thơ. Chẳng hạn, hàng ngày, sau khi họp triều buổi sáng xong, ông thường xuyên ra khỏi Hoàng cung, đến nghỉ tại hồ Tịnh Tâm (ông gọi là Bắc Hồ), và để lại ngót năm chục bài thơ, phần lớn nhan đề chỉ đơn giản là *Hạnh Tịnh Tâm Hồ*. Chỉ sóng nước, hoa sen, cây cỏ, cùng gió, mây, mưa, nắng mà mãi không chán! Nhà vua viết trong bài tựa *Ngự chế thi sơ tập*⁽²⁾: 念所作多係敬天愛民自訓較晴課雨以觀辰非有綺麗之辭悅人聞聽豈比書生之學尋章摘句而肯與文人墨客鬥艷爭長者哉 *Niệm sở tác đa hệ kính thiên ái dân tự huấn較晴課雨以觀辰非有綺麗之辭悅人聞聽豈比書生之學尋章摘句而肯與文人墨客鬥艷爭長者哉 Niệm sở tác đa hệ kính thiên ái dân, tự huấn giáo tình khóa vũ dĩ quan thân, phi hữu ý lệ chi từ duyệt nhân văn*

* Thành phố Huế.

** Hội viên Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

thính; khởi tử thư sinh chi học, tâm chương trích cú, nhi khăng dữ văn nhân mặc khách đấu diễm tranh trường giả tai. (Ta nghĩ rằng thơ mình làm ra phần nhiều quan hệ đến việc kính trời, thương dân, tự răn dạy, so sánh khi tạnh khi mưa để xem thời tiết, chẳng có lời đẹp để làm vui tai người nghe. Ta đâu sánh với cái học tâm chương trích cú của bọn thư sinh, cũng đâu đua đẹp tranh giỏi với hạng văn nhân mặc khách). Thơ ông ngoài cảm hứng ngâm ngợi cảnh đẹp thiên nhiên và nhân tạo, thì phần lớn nhằm bộc bạch tư tưởng “cần chính ái dân”, trong đó ông đặt tinh thần “mẫn nông” (thương nhà nông) lên hàng đầu, vì nghề nông là thiết yếu bậc nhất đối với cuộc sống xã hội trong thời đại bấy giờ. Thế cho nên mưa thuận gió hòa, lúa má tốt tươi thì nhân dân mừng, nhà vua cũng mừng; trái lại thì âu lo, cầu trời khẩn Phật, cúng đảo miếu đền... Cái tinh thần ấy được nhà vua tỏ rõ trong những bài thơ về sông Lợi Nông trong *Ngự chế thi* sau đây:

Bài 1:

巡幸利農河觀稼有作

幾暇時巡畿內行	兩熟已酬人力作
習勞而寓憫農情	駢臻永願歲功成
難窮目力前禾茂	咸知聖澤傍流普
莫盡心欣昨稼榮	來往棹歌溢頌聲

Phiên âm:

Tuần hạnh Lợi Nông Hà quan giá hữu tác

*Cơ hạ thì tuần kỳ nội hành,
Tập lao nhi ngụ mẫn nông tình.
Nan cùng mục lực tiền hòa mậu,
Mạc tận tâm hân tác giá vinh.
Lưỡng thực dĩ thù nhân lực tác,
Biên trấn vĩnh nguyện tuế công thành.
Hàm tri thánh trạch bàng lưu phổ,
Lai vãng trạo ca dật tụng thanh.*

(*Ngự chế thi*, Nhị tập, quyển ngũ, tờ 33a - 34a)

Tạm dịch:⁽³⁾

Đi tuần sông Lợi Nông xem cấy lúa, làm thơ

Ngoài quách thung dung mới dạo quanh,
Nhọc nhằn ngụ chút khuyến nông tình.^(a)
Mắt trông vơi vơi đồng tươi tốt,

Lòng thấy lâng lâng lúa mới xanh.^(b)
 Mòng mọng đã đềm người găng sức,
 Dồi dào cũng thỏa nguyện công thành.^(c)
 Đều hay ơn thánh ban ra khắp,
 Đây đó câu hò tán tụng nghênh.

- (a) Nguyên chú: 本日幾暇乘舟幸利農河觀稼頗此河上流近在京城對岸下流亦止數十里每次巡幸民無供頓之勞兵無留連之苦而扈蹕例有賞給錢文且予觀稼觀禾既寓憫農之意習勞習射免生怠忽之心時巡更為得體 *Bản nhật cơ hạ thừa chu hạnh Lợi Nông Hà quan giá. Phả thử hà thượng lưu cận tại Kinh Thành đối ngạn, hạ lưu diệc chỉ số thập lý, mỗi thử tuần hạnh dân vô cung đốn chi lao, binh vô lưu liên chi khổ, nhi hồ tất lệ hữu thường cấp tiền văn. Thả dư quan giá quan hòa ký ngụ mẫn nông chi ý, tập lao tập xạ miễn sinh đãi hốt chi tâm; hiệp cổ thi tuần cánh vi đắc thể.* (Ngày ấy nhân rảnh rỗi, đi thuyền đến sông Lợi Nông xem gặt lúa. Vả chẳng thượng lưu sông ấy gần với Kinh Thành, hạ lưu cũng chỉ vài chục dặm, mỗi lần tuần hạnh dân không phải nhọc nhằn cung đốn, lính tráng cũng không vất vả dài ngày, mà cái lệ theo hầu vẫn có thưởng chi tiền bạc. Còn như ta xem cày xem lúa cũng ngụ cái ý thương việc canh nông, tập quen nhọc nhằn và săn bắn để khỏi sinh lòng trễ biếng, so với việc tuần hạnh ngày xưa cũng đạt được).
- (b) Nguyên chú: 今冬更迭雨暘時稱順若故來河畎畝前禾既茂新苗亦青詢之農民咸稱比前實勝且一望無際三農共欣 *Kim đông cánh diệp vũ dương, thi xưng thuận nhược; cố lai hà khuyến mẩu tiền hòa ký mậu, tân miêu diệc thanh; tuần chi nông dân hàm xưng tỷ tiền thực thắng. Thả nhất vọng vô tế tam nông cộng hân* (Mùa đông năm nay mưa nắng thay nhau rất thuận, cho nên đồng ruộng bên sông lúa mới lên xanh tốt, hỏi thăm nhà nông đều nói hơn nhiều so với năm trước. Đưa mắt trông qua mênh mông bát ngát, trong lòng vui vẻ).
- (c) Nguyên chú: 此田今年夏秋二務已獲豐穰永願歲歲功成以孚農望此地未開浚利農河時頻為滷水所浸民多失望自開浚之後上流既承炎水下築堤以禦海潮蓄泄以時弗虞水旱致率土咸蒙聖澤往來常溢頌聲 *Thử điền kim niên hạ thu nhị vụ dĩ hoạch phong nhược, vĩnh nguyện tuế tuế công thành dĩ phu nông vọng. Thử địa vị khai tuấn Lợi Nông Hà thì, tân vi hàm thủy sở xâm, dân đa thất vọng. Tự khai tuấn chi hậu, thượng lưu ký thừa viêm thủy, hạ trúc đề dĩ ngụ hải triều, súc tiết dĩ thì, phát ngụ thủy hạnh, trí suất thổ hàm mông thánh trạch, vãng lai thường dật tụng thanh* (Ruộng này hai mùa hè thu đã gặt hái được bội bề, mãi mong cho năm năm đều đạt được như thế để thỏa lòng con nhà nông. Đất này khi chưa đào sông Lợi Nông, nhiều lúc bị nước mặn xâm hại, dân phần nhiều thất vọng. Sau khi đào sông, trên thượng lưu tiếp nước nóng, dưới đắp đê để chặn nước biển, đóng mở tùy lúc, khỏi lo lụt hạn; đâu đâu cũng đội ơn thánh, người qua kẻ lại đều vang lời ca tụng).

Bài 2:

利農河下流樹木叢雜因而小試火鎗一日獲二十六禽

觀稼乘舟曉發臨
 因而肄武水邊林
 卅餘鎗擊三番往
 廿六羽毛一日擒

水面枝頭皆莫脫
 輕舟緩棹弗須尋
 此行雖覺欣多獲
 終重於農匪在禽

Phiên âm:

**Lợi Nông Hà hạ lưu thụ mộc tùng tạp, nhân nhi
tiểu thí hỏa thương, nhất nhật hoạch nhị thập lục cầm**

*Quan giá thừa chu hiểu phát lâm,
Nhân nhi dị vũ thủy biên lâm.
Tạp dư thương kích tam phiên vãng,
Trấp lục vũ mao nhất nhật cầm.
Thủy diện chi đầu giai mạc thoát,
Khinh chu hoãn trạo phát tu tâm.
Thử hành tri giác hân đa hoạch,
Chung trọng ư nông phỉ tại cầm.*

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyển ngũ, tờ 34a - 34b)

Tạm dịch:

**Ở hạ lưu sông Lợi Nông, cây cối nhiều loại um tùm,
nhân đó bắn thử súng hỏa mai, một ngày được hai mươi sáu con chim**

*Xem lúa tinh mơ đã trảy thuyền,
Cũng nhân tập võ ở rừng bên.
Mấy vòng súng bắn ba mươi phát,
Một buổi chim rơi hai sáu tên.^(a)
Trên nước đầu cành không thoát được,
Nhẹ ghe lơ mái dễ tìm lên.
Chuyến này thu hoạch nhiều tuy thích,
Chỉ trọng nông thôi, chim cũng quên.^(b)*

Bài 3:

幸利農河遣悶作

愁坐無聊遣悶行	月朗莫能愉我意
利農河幸邇京城	炎光更切憫農情
青苗雖免三分瘁	甘霖願錫郊畿普
和色終難一律榮	萬寶今秋慶有成

Phiên âm:

Hạnh Lợi Nông Hà khiễn muộn tác
*Sầu tọa vô liêu khiến muộn hành,
Lợi Nông Hà hạnh nhĩ kinh thành.*

Thanh miêu tuy miễn tam phân tụy,
 Hòa sắc chung nan nhất luật vinh.
 Nguyệt lãng mạc năng du ngã ý,
 Viêm quang cánh thiết mẫn nông tình.
 Cam lâm nguyệt tích giao kỳ phổ,
 Vạn bảo kim thu khánh hữu thành.

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyển bát, từ 6b - 7a)

Tạm dịch:

Đi chơi sông Lợi Nông giải khuây, làm thơ

Lần thân ngồi buồn đi giải khuây,
 Lợi Nông sông tiếp để thành đày.
 Mạ non tuy khỏi ba phần úa,
 Lúa gốc nào nên một luật đầy.^(a)
 Lòng trăm vui gì trăng sáng lộng,^(b)
 Nhà nông thương nỗi nắng hè gay.
 Mong sao mưa ngọt kinh kỳ khắp,
 Vạn Bảo⁽⁴⁾ thu này lễ mới hay.

(a) Nguyên chú: 利農河多溝洫引水入田致免黃瘠然暑氣正盛故禾色難以青蔥予親見一項深田禾根積水甚多意欲更淺者此係小民益己之私心斷難曲徇也 *Lợi Nông Hà đa câu huyết dẫn thủy nhập điền, trí miễn hoàng tụy, nhiên thụ khí chinh thịnh, cố hòa sắc nan dĩ thanh thông. Dư thân kiến nhất hạng thâm điền, hòa căn tích thủy thậm đa, ý dục cánh thiết giả. Thử hệ tiểu dân ích kỷ chi tư tâm đoạ nan khúc tuấn dã* (Sông Lợi Nông nhiều mương máng dẫn nước vào ruộng cho nên [lúa má] tránh khỏi úa vàng, nhưng khí nóng đang lúc gay gắt, cho nên màu lúa khó được xanh tươi. Chính ta đã thấy một loại ruộng sâu, gốc lúa chứa nước rất nhiều, ý muốn làm cho cạn đi. Ấy là do lòng riêng của những người dân ích kỷ, khó mà sửa cho ngay được).

(b) Nguyên chú: 是日早行明月猶未沈西 *Thị nhật tảo hành, minh nguyệt do vị trầm tây* (Ngày ấy đi sớm, trăng sáng chưa lặn về phương tây).

Bài 4:

乘舟由利農河舉行秋獮香江夜發

因暇行秋獮	天霽澄霄漢
聊為補暇苗	夜清肅斗刁
迎舟風拂拂	趁涼須夕發
送駕月迢迢	氣候適人調

Phiên âm:

Thừa chu do Lợi Nông Hà cử hành thu tiễn Hương Giang dạ phát

<i>Nhân hạ hành thu nhĩ,</i>	<i>Thiên tế trường tiêu hán,</i>
<i>Liêu vi bỏ hạ miêu.</i>	<i>Dạ thanh túc đầu điều.</i>
<i>Nghênh chu phong phát phát,</i>	<i>Sán lương tu tịch phát,</i>
<i>Tổng giá nguyệt điều điều.</i>	<i>Khí hậu thích nhân điều.</i>

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyền cửu, tờ 26a - 26b)

Tạm dịch:

**Ngồi thuyền theo sông Lợi Nông săn bắn vào mùa thu,
ban đêm khởi hành trên Sông Hương**

Thu rảnh đi săn bắn,	Trời tạnh bầu trong vắt,
Thay cho dạo hè qua. ^(a)	Đêm thanh mỡ lẳng xa.
Đón thuyền làn gió thoảng,	Chiều hôm càng mát mẻ,
Tiền giá ánh trăng tà.	Khí hậu hợp người ta.

(a) Nguyên chú: 去夏未經行獮故云 *Khứ hạ vị kinh hành tiển, cố vân* (Mùa hè vừa qua chưa từng đi săn, nên nói như thế).

Bài 5:

巡視利農河遇雨作

曉日輕舟泛	縱觀諸畝畝
利農綠水趨	暢茂咸膏腴
豈其條雨降	淋濕眾人憫
頃刻皆霑濡	禾青我意娛
欲止且無及	所得萬寶成
業行於半途	所失只斯須

Phiên âm:

Tuần thị Lợi Nông Hà ngộ vũ tác

<i>Hiểu nhật khinh chu phiếm,</i>	<i>Túng quan chư quyển mẫu,</i>
<i>Lợi Nông lục thủy xu.</i>	<i>Sương mậu hàm cao du.</i>
<i>Khởi kỳ điều vũ giáng,</i>	<i>Lâm thấp chúng nhân mẫn,</i>
<i>Khoảnh khắc giai triêm nhu.</i>	<i>Hòa thanh ngã ý ngu.</i>
<i>Dục chỉ thả vô cập,</i>	<i>Sở đắc Vạn Bảo thành,</i>
<i>Nghiệp hành ư bán đồ.</i>	<i>Sở thất chỉ tư tu.</i>

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyền thập, tờ 35a - 35b)

Tạm dịch:

Đi chơi xem sông Lội Nông gặp mưa, làm thơ

Thuyền nhẹ sóng mai dong, Lội Nông biếc thuyền dong. Bỗng dưng mưa phất phơ, Chốc lát nước mênh mông. Dừng lại má không kịp, Ra đi đã nửa vông.	Tông xa đống ruộng khấp, Thầy tốt mớ máu đống. Mưa dầm dân vựa ò, Lúa xanh trổm đệp lóng. Riêng mình mắt cũng thò, Vấn Bảo được cang mong.
--	---

Bài 6:

巡幸農河雨止發

靜觀雲霏雨 風開鑿鑿尚 軒窗木甘膏 景象豐年可	未日江香發 波流離黍身 顛水面轉豐 地上空中薄
----------------------------------	----------------------------------

Phien âm:

Tuần hành Lội Nông Hát, vũ chi niên phát

Hiên phát Hương Giang nhật vị thảng,
Trông lư phò lỵện lảng ba trảng.
Sơn dầm thụy điện khinh yên tởa,
Đĩa thượng không trung bực vị ngảng.
Tinh ngiên phàn phi phượng vũ yết,
Phong khai ái dãi thượng vân nhảng.
Liên tiên đệp mội cam cao biêng,
Cánh tợng phong niên đĩ khả trảng.

(Ngữ chệ thi, Tam tập, đụyển thập, tứ 17b)

Tạm dịch:

Đi chơi sông Lội Nông, mưa tạnh, sáng sớm khởi hành

Sông Hương dấy mãi sắc chửa hồng,
Dòng nước lờ nhò sóng vắng trong.
Mặt nước dầm sương non lán khởi phờ,
Tầng không lửng đật lờ sóng đờ đờ.
Tới puang lát phất mưa vữa tạnh,

Gió thổi lao xao ráng vẫn lòng.
 Lênh láng liền đêm nhuần thấm khắp,
 Được mùa cảnh tượng rõ ràng trông.

Bài 7:

巡幸利農河途間親見禾苗競秀有作

時巡近邇趁春明	月初敷澤應如願
欲覽農功為一行	日下蒙霖諒慰情
圻外昨聞憂雨缺	懇得四方同此秀
京中今睹喜禾榮	俾吾百姓歲功成

Phiên âm:

Tuần hạnh Lợi Nông Hà, đồ gian thân kiến hòa miêu cạnh tú, hữu tác

*Thì tuần cận nhĩ sấn xuân minh,
 Dục lẫm nông công vi nhất hành.
 Kỳ ngoại tác vãn ưu vũ khuyết,
 Kinh trung kim đồ hỷ hòa vinh.
 Nguyệt sơ phu trạch ưng như nguyện,
 Nhật hạ mông lẫm lượng úy tình.
 Khản đắc tứ phương đồng thử tú,
 Tỷ ngô bách tính tuế công thành.*

(Ngự chế thi, Tứ tập, quyển nhất, tờ 15b - 16a)

Tạm dịch:

**Đi chơi thăm sông Lợi Nông, trên đường thấy lúa má
 tranh nhau khoe tốt, làm thơ**

Xa gần thăm thú màu xuân thắm,
 Muốn thấy nhà nông mới dạo chơi.
 Ngoài cõi buồn nghe mưa đã ít,
 Trong kinh vui thấy lúa đang tươi.
 Ôn ban tháng trước tròn mơ ước,
 Mưa dầm ngày sau thỏa dạ người.^(a)
 Cầu nguyện bốn phương đều được thể,
 Dân ta trăm họ thấy vui cười.

(a) Nguyên chú: 本月初敷次得雨諒必澤敷遐邇願同畎畝霑濡惟日下未見奏聞致心中猶存懸盼茲睹京畿禾苗競秀更祈南北畎畝同榮俾百姓咸欣三農共慶也 *Bản nguyệt sơ sở thử đắc vũ, lượng*

tất trạch phu hà nhĩ, nguyện đồng khuyến mầu triêm nhu. Duy nhật hạ vị kiến tấu văn, trí tâm trung do tồn huyền phán. Tư đồ kinh thành hòa miêu cạnh tú, cánh kỳ nam bắc khuyến mầu đồng vinh, tỷ bách tính hàm hân, tam nông cộng khánh dã (Đầu tháng nay vài lần được mưa, nghĩ rằng ơn nước thấm khắp xa gần, mong mọi ruộng đồng đều lên láng. Nhưng ngày sau chưa thấy có tờ tau, trong lòng thắc thỏm trông chờ. Nay xem ở kinh thành lúa má đua tươi, lại cầu cho đồng ruộng Nam Bắc đều tốt, để trăm họ đều vui, tam nông may mắn).

Bài 8:

復因便幸利農河觀禾

乘舟隨幸利農河	揚花簇簇高低滿
慰我心惟隴裏禾	垂穗纍纍上下羅
雖是肥饒資地利	籲懇昊慈遲澇降
亦蒙雨露沐天和	多稔可必獲重歌

Phiên âm:

Phục nhân tiện hạnh Lợi Nông Hà quan hòa

<i>Thừa chu tùy hạnh Lợi Nông Hà,</i>	<i>Dương hoa thốc thốc cao đê mãn,</i>
<i>Úy ngã tâm duy lũng lý hòa.</i>	<i>Thùy tuệ luy luy thương hạ la.</i>
<i>Tuy thị phì nhiêu tư địa lợi,</i>	<i>Dụ khẩn họa từ trì lạo giáng,</i>
<i>Diệc mông vũ lộ mộc thiên hòa.</i>	<i>Đa đồ khả tất hoạch trùng ca.</i>

(Ngự chế thi, Tứ tập, quyển tam, tờ 27a - 27b)

Tạm dịch:

Lại nhân tiện đi chơi sông Lợi Nông xem lúa

Dong thuyền ghé đến Lợi Nông Hà,
Lúa má trên đồng vui thú ta.
Tuy được đất đai màu mỡ sẵn,
Cũng nhờ mưa móc tháng năm hòa.
Bông vươn đám đám nơi cao thấp,
Hạt trĩu chùm chùm chỗ cận xa.
Cầu khẩn ơn trời đừng lụt nữa,
Sau khi gặt hái ắt mừng ca.^(a)

(a) Nguyên chú: 因水程之近爰幸利農河觀禾親見萬頃千塍揚花結實早者已有一二黃熟可必秋豐惟恐月內澇來則不免收穫不及之患耳晚者又恐必至損傷不得不籲懇天恩連得清明免遭風雨出月後方澇則無患矣 *Nhân thủy trình chi cận, viên hạnh Lợi Nông Hà quan hòa, thân kiến vạn khoảnh thiên đằng dương hoa kết thực; tảo giả dĩ hữu nhất nhị hoàng thực, khả tất thu phong, duy khẩn nguyệt nội lạo lai tắc bất miễn thu hoạch bất cập chi họa nhĩ; văn giả hựu khùng tất*

chí tồn thương, bất đắc bất dụ khản thiên ân liên đắc tình minh, miễn chiên phong vũ xuất nguyệt hậu phương lạo tắc vô hoạn hỷ (Nhân dịp đi đường thủy gần, bèn đến sông Lợi Nông xem lúa, chính mắt mình thấy muôn đám nghìn khoảnh nở hoa kết hạt. Sớm thì cũng đã có một hai chỗ chín vàng, đến mùa thu ắt được mùa, chỉ sợ trong tháng lụt tới thì lo cái nạn chẳng khỏi thu hoạch không kịp; muộn thì lại sợ đến nỗi thiệt hại, không thể không cầu khẩn ơn trời luôn được tạnh ráo đừng mưa gió, ra tháng mới lụt thì không lo lắng gì).

Bài 9:

巡幸利農河曉發

冬天晴朗淨雲霾	人勤操作家家是
清曉乘輿出御街	田正耕耘處處皆
久掛兒情從悶意	風俗樸醇誠首善
今親民事始舒懷	京畿光景最為佳

Phiên âm:

Tuần hạnh Lợi Nông Hà hiểu phát

*Đông thiên tình lãng tinh vân mai,
Thanh hiểu thừa dư xuất ngự nhai.
Cửu quả nhi tình tòng muộn ý,
Kim thân dân sự thủy thư hoài.
Nhân cần thao tác gia gia thị,
Điền chính canh vân xứ xứ giai.
Phong tục phác thuần thành thủ thiện,
Kinh kỳ quang cảnh tối vi giai.*

(Ngự chế thi, Tứ tập, quyển ngũ, tờ 9a)

Tạm dịch:

Đi chơi thăm sông Lợi Nông, sáng sớm khởi hành

Trời đông tạnh sáng lạng quang mây,
Sớm mát ngòi xe tếch ngự nhai.
Lâu vướng tình con từng bận bận,
Nay nhờ việc nước mới vui vầy.
Người chăm làm lụng nhà nhà rộn,
Ruộng đúng cày bừa chón chón bày.
Phong tục phác thuần đầu mối thiện,
Kinh kỳ quang cảnh đẹp xinh thay.

Bài 10:

巡幸利農河曉發

凌晨命駕出天關	芄芄黍稻陳原野
舍陸登舟展綉旂	密密人煙列水村
揮楫分波推曉霧	景象豐年堪八目
闢窗憑檻挹晨暉	乍新雨後喜迎暄

Phiên âm:

Tuần hạnh Lợi Nông Hà hiểu phát

*Lãng thần mệnh giá xuất thiên hôn,
Xá lục đặng chu triển tú phan.
Huy tiếp phân ba thôi hiểu vụ,
Tịch song bằng hạm áp thần thôn.
Bồng bồng thử đạo trần nguyên dã,
Mật mật nhân yên liệt thủy thôn.
Cảnh tượng phong niên kham nhập mục,
Sạ tân vũ hậu hỷ nghênh huyên.*

(Ngự chế thi, Tứ tập, quyển lục, tờ 22b - 23a)

Tạm dịch:

Đi chơi thăm sông Lợi Nông, sáng sớm khởi hành

Sáng mai sai giá giã cung tường,
Ngoài bên lên thuyền cờ gấm trương.
Rẽ sóng vẫy chèo xua móc sớm,
Tựa hiên mở cửa đón vùng dương.
Mỡ màng thóc nếp đầy đồng ruộng,
Dù dật khói nhà khắp bến đường.
Cảnh tượng được mùa trông sướng mắt,
Sau mưa nắng ấm lại vui thường.

Bài 11:

幸利農河觀禾見有豐登景象喜作

據奏京禾得雨榮	入目最為娛我意
親臨詳視泛舟輕	問心誠可慰農情
今朝已覺多稔象	勝觀錦繡金珠類
他日先知上稔成	食飽衣溫為眾生

Phiên âm:

Hạnh Lợi Nông Hà quan hòa, kiến hữu phong đăng cảnh tượng hỷ tác

*Cứ tâu kinh hòa đắc vũ vinh,
Thân lâm tường kiến phiếm chu khinh.
Kim triều dĩ giác đa đồ tượng,
Tha nhật tiên tri thương nãi thành.
Nhập mục tối vi ngu ngã ý,
Vấn tâm thành khả úy nông tình.
Thắng quan cảm tú kim châu loại,
Thực bảo y ôn vi chúng sinh.*

(Ngự chế thi, Ngũ tập, quyển nhất, tờ 20b)

Tạm dịch:

**Đi chơi thăm sông Lợi Nông xem lúa,
thấy có cảnh tượng được mùa, vui mừng làm thơ**

Lúa kinh xem tâu mưa nên tốt,
Ngự giá ra xem thấy rõ mười.
Đã biết sớm nay đồng khảm nếp,
Thì hay ngày nọ lúa đầy cơi.
Mắt trông quang cảnh vui tình ý,
Lòng cảm nhà nông đẹp cuộc đời.
Gấm vóc ngọc châu dào dạt thế,
Ăn no mặc ấm thỏa muôn người.

II. Thơ vua Thiệu Trị

Con vua Minh Mạng là Nguyễn Phúc Miên Tông chào đời ngày 11 tháng Năm năm Đinh Mão (16/6/1807) tại nhà ông ngoại ở ấp Xuân Lộc phía đông kinh thành Phú Xuân, bên bờ đông sông Hộ Thành, nay trên đường Bạch Đằng thuộc phường Phú Cát, thành phố Huế. Sau khi lên ngôi, năm 1844, vua Thiệu Trị cho cải tạo nơi này thành chùa Diệu Đế để kỷ niệm. Mẹ vua là bà Hồ Thị Hoa (1791-1807) người thôn Linh Chiêu, huyện Bình An, trấn Biên Hòa (nay thuộc Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), con ông Phúc quốc công Hồ Văn Bôi, mất sau khi sinh con được 12 ngày. Khi mới chào đời, vua được đặt tên là Nguyễn Phúc Dung, sau khi có thơ ngự chế của vua cha mới đổi Miên Tông (1823).⁽⁵⁾

Thừa bé, như mọi hoàng tử khác, ông ở trong nội cung với mẹ và học tập với vị nữ sử, lớn lên, ông ra học tập ở Chi Thiện Đường, năm 1830 được phong Trường Khánh công, năm 1837 kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ Tả tôn chính. Tháng Chạp năm Canh Tý (đầu năm 1841), vua Minh Mạng bất ngờ mất, có lẽ không kịp viết chiếu để lại, chỉ trao di mệnh cho các đại thần (trong đó có Trương Đăng Quế) truyền ngôi cho Miên Tông. Hoàng tử đăng quang ngày 20 tháng Giêng năm Tân Sửu (11/2/1841), đổi ngay niên hiệu là Thiệu Trị, mở sách vàng chọn chữ Tuyên (bộ 日 Nhật + chữ 旋 Tuyên) làm ngự danh (Nguyễn Phúc Tuyên). Ông cũng là một vị vua giỏi và hiền, yêu thích văn học, “cư Nho mộ Thích”. Nhưng bỗng nhiên, năm Đinh Mùi (1847), từ đầu tháng Tám, vua “se mình”, rồi bệnh chuyển nặng dần, qua tháng Chín, triệu cố mệnh lương thần Trương Đăng Quế và các đại thần Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp vào bên giường, căn dặn và trao di chiếu. Rồi vua băng ngày 27 tháng Chín năm Đinh Mùi (4/10/1847), táng tại Xương Lăng. Các cố mệnh đại thần và hoàng thân phò hoàng tử Hồng Nhậm đăng quang, niên hiệu Tự Đức.

Trong bốn ông vua đầu triều Nguyễn, người ít “tiếng tăm” nhất là vua Thiệu Trị. Thời gian tại vị của ông quá ngắn ngủi (1841-1847), nên sự nghiệp chính trị chẳng có gì đáng kể, phần nhiều noi theo “phép cũ”, bổ sung chút ít mà thôi. Ông không thích bày vẽ, chuộng sự tiết kiệm, nên cũng không xây dựng gì mới. Nhưng bù lại, ông ghi dấu ấn khá đậm nét bằng thơ văn trên các di tích và danh thắng xứ Huế còn lại đến ngày nay. Về mặt này, ông học tập và nghiên cứu rất tường tận, thu hoạch được những kiến thức thấu đáo mà không phải nhà Nho nào cũng có được. Thơ văn ông so với vua cha (Minh Mạng) và vua con (Tự Đức), tuy số lượng không bằng, nhưng chất lượng nổi trội hơn hẳn. Ngôn ngữ trau chuốt, nội dung sâu sắc, vừa giàu tính cảm xúc, vừa giàu tính trí tuệ. Vua Thiệu Trị dùng thơ văn để biểu dương Nho học trên bình diện chính trị và xã hội, lấy ngũ kinh tứ thư làm nòng cốt, thậm chí, ông dùng cả Nho điển, có khi cả Đạo điển nữa để giải thích Phật điển, như trong bài văn bia tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ. Đáng lẽ Nguyễn Phúc Miên Tông không phải sinh ra để làm vua. Và nếu không làm vua, chắc ông cũng nổi tiếng “thất thịnh Đường” chẳng kém gì hai em ông, Tùng Thiện Vương Miên Thẩm và Tuy Lý Vương Miên Trinh. Bởi vì nếu bỏ qua nhà chính trị, nhà tư tưởng không mấy thành công, chúng ta sẽ bắt gặp ở ông một nhà nghệ sĩ giàu tinh thần dân tộc. Trong số thơ văn ông, phần in ấn thì còn nằm yên trong các thư viện hoặc kho lưu trữ, chúng ta chưa có duyên đọc được, phần còn lại thì khắc trên các di tích, thắng cảnh đất Thần kinh. Tác phẩm chủ yếu là bộ *Ngự chế thi*⁽⁶⁾ do triều đình biên tập và khắc in, chúng ta có thể tìm trong đó những bài liên quan đến sông Lợi Nông, cũng biểu hiện tinh thần “ưu dân mẫn nông” như thơ vua Minh Mạng.

Bài 1:

春日事簡命駕幸利農河觀禾曉泛作	
御橋解纜泛樓船	鄉村咸樂逢明世
一望長江水接天	舟楫欣看共濟川
遠岸野花含宿露	好得時和徵歲美
沿堤春樹帶朝煙	青蔥極目滿田田

Phiên âm:

Xuân nhật sự giản mệnh giá hạnh Lợi Nông Hà quan hòa hiếu phiếm tác

*Ngự kiều giải lã phiếm lâu thuyền,
Nhất vọng trường giang thủy tiếp thiên.
Viễn ngạn dã hoa hàm túc lộ,
Duyên đê xuân thụ đới triều yên.
Hương thôn hàm lạc phùng minh thế,
Chu tiếp hân khan cộng tế xuyên.
Hảo đắc thì hòa trung thế mỹ,
Thanh thông cực mục mãn điền điền.*

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyển bát, tờ 7a - 7b)

Tạm dịch:

**Ngày xuân ít việc, sai sửa giá đi sông Lợi Nông xem lúa,
buổi sáng dong thuyền, làm thơ**

Cởi dây cầu ngự thả thuyền lâu,
Trời nước sông dài liên tiếp nhau.
Hoa nội bờ xa dầm móc sớm,
Cây xuân đê thấp tỏa sương đầu.
Xóm làng sung sướng yên thời thịnh,
Chèo mái thung thăng rẽ nước mau.
May được thời hòa mùa ất tốt,
Xanh xanh mát mắt ruộng tươi màu.

Bài 2:

見利農河兩岸田疇禾苗青秀誠為堪望有年喜而賦之

於惟聖德禹功傳	堪欣景象豐年也
浚此河流濟大田	信是風光勝日焉
萬頃茸茸鋪綠罽	迎輦吾民浮喜色
千塍鬱鬱展青氈	倉箱共慶藉蒼天

Phiên âm:

**Kiến Lợi Nông Hà lưỡng ngạn điền trừ hòa miêu thanh tú,
thành vi kham vọng hữu niên hỷ nhi phú chi**

Ư duy thánh đức Vũ công truyền,
Tuấn thử hà lưu tế đại điền.
Vạn khoảnh nhung nhung phô lục kế,
Thiên thẳng uất uất triển thanh chiêm.
Kham hân cảnh tượng phong niên dã,
Tín thị phong quang thắng nhật yên.
Nghênh liên ngô dân phù hỷ sắc,
Thương tương cộng khánh tịch thương thiên.

(Ngự chế thi, Nhị tập, quyển bát, từ 7b - 8b)

Tạm dịch:

**Thấy hai bên sông Lợi Nông đồng ruộng lúa má xanh tốt,
thật lòng mong mỗi được mùa, vui mà làm thơ**

Nhớ xưa đức thánh truyền công Vũ,^(a)
Đào được sông này ruộng nước lên.
Muôn đám nồn nà mềm mượt trái,
Ngàn khoảnh rậm rạp thảm xanh liền.
Vui nhìn cảnh tượng mong mùa được,
Tin chắc phong quang sẽ vững bền.
Đón giá dân ta mừng rỡ khắp,
Lắm kho đầy ắp tạ ơn trên.

(a) Nguyên chú: 利農河於嘉隆十三年欽奉我皇祖世祖高皇帝命開浚此河寔為普利人天萬世咸資聖澤 利農 Hà ư Gia Long thập tam niên khâm phụng ngã Hoàng tổ Thế Tổ Cao Hoàng Đế mệnh khai tuấn thử hà thực vi phổ lợi nhân thiên, vạn thế hàm tư thánh trạch (Sông Lợi Nông, vào năm Gia Long thứ 13 [1814] kính vâng đức Hoàng tổ Thái Tổ Cao Hoàng Đế sai khơi thông sông này, làm lợi cho khắp mọi người, muôn đời còn cậy nhờ ơn thánh).

Phụ chú: Công Vũ: ông Vũ vâng mệnh vua Thuần trị thủy sông Hoàng Hà thành công, được vua Thuần truyền ngôi, lập nên nhà Hạ.

Bài 3:

巡幸利農河泛清晏艘早發

解纜輕輕泛	撥霧舟師快
時巡鷁指東	衝波士氣雄
天猶留曉月	江煙纔乍散
樹已送晨風	雲嶺漸蒸烘

Phiên âm:

Tuần hạnh Lợi Nông Hà phiếm Thanh Yên sưu, tảo phát

*Giải lãm khinh khinh phiếm, Bát vụ chu sự khoái,
Thì tuần nghịch chỉ đông. Xung ba sĩ khí hùng.
Thiên do lưu hiếu nguyệt, Giang yên tài sạ tán,
Thụ dĩ tổng thần phong. Vân lĩnh tiệp chưng hồng.*

(Ngự chế thi, Tam tập, quyển thập nhất, tờ 24a - 24b)

Tạm dịch:

Chơi thăm sông Lợi Nông, ngồi thuyền Thanh Yên, đi sớm

Mở dây thuyền nhẹ trảy, Xông sương thuyền sản sỏ,
Thăm thú đến miền đông. Lướt sóng lính kiêu hùng.
Trăng sớm còn treo lửng, Hơi nước tan dần hết,
Gió mai đã thổi lồng. Mây non đã ửng hồng.

Bài 4:

閱視利農河兩岸田疇禾苗一律青秀詢知農家咸謂可望年豐喜而有作

綿亘沿江萬頃田	深感天恩垂雨露
禾苗發穗儘鮮妍	追思聖澤浚河川
農家預識收成日	好逢歲美吾民樂
野叟相傳勝昔年	可謂嘉徵慶節焉

Phiên âm:

***Duyệt thị Lợi Nông hà lưỡng ngạn, điền trù hòa miêu nhất luật thanh tú,
tuần tri nông gia hàm vị khả vọng niên phong, hỷ nhi hữu tác***

*Miên cẳng duyên giang vạn khoảnh điền,
Hòa miêu phát tuệ tấn tuyên nguyên.
Nông gia dự thức thu thành nhật,
Dã tẩu tương truyền thắng tích niên.
Thâm cảm thiên ân thù vũ lộ,
Truy tư thánh trạch tuấn hà xuyên.
Hảo phùng tuế mỹ ngô dân lạc,
Khả vị gia trung khánh tiết yên.*

(Ngự chế thi, Tam tập, quyển thập nhất, tờ 24b - 25a)

Tạm dịch:

**Trái xem hai bờ sông Lợi Nông, ruộng đồng lúa má đều xanh tốt, hỏi thăm
biết nhà nông đều nói hy vọng năm nay được mùa, vui mừng mà làm thơ**

Liên suốt bên sông muôn đám ruộng,
Đẹp thay lúa đã trở bông tươi.
Nhà nông biết chắc ngày sau gặt,
Già xóm truyền hơn buổi trước thôi.
Mưa móc ơn trời nhuần gội mãi,
Sông mương lộc thánh nhớ ghi đời.
Gặp năm mùa được dân ta sướng,
Khánh tiết điềm hay đã đến nơi.

Bài 5:

午停利農行宮即景

江干埭塹建行臺	波澄水榭源流淨
日午芳篷小艫來	雲卷山峰漢表恢
掃地遙迎風竹拂	一望田疇咸秀發
進春叩謁埜花開	幾聲布穀暗相催

Phiên âm:

Ngọ đình Lợi Nông hành cung tức cảnh

*Giang can sáng khải kiến hành đài,
Nhật ngộ phương bông tiểu nghĩ lai.
Tảo địa dao nghênh phong hành phát,
Tiến xuân khẩu yết dã hoa khai.
Ba trờng thủy tạ nguyên lưu tĩnh,
Vân quyển sơn phong hán biểu khôi.
Nhất vọng điềm trừ hàm tú phát,
Cơ thanh bố cốc ám tương thoi.*

(Ngự chế thi, Tam tập, quyển thập nhất, tờ 26b)

Tạm dịch:

Giữa trưa nghỉ ở hành cung Lợi Nông, tức cảnh

Hành cung cao ráo dựng bên sông,
Giữa ngộ về chơi ghé mái bông.

Quét đất tre pheo bùng gió xóm,
 Mừng xuân cây cỏ nở hoa đồng.
 Bên đình sóng biếc trong dòng lặng,
 Đầu núi mây đùn ngát cõi không.
 Vời ngó ruộng đồng đầy lúa tốt,
 Tiếng chim bố cốc giục nhà nông

Ngoài các bài thơ về sông Lợi Nông trên đây, vua Thiệu Trị còn sáng tác bài *Đông Lâm đặc điệu*, là cảnh đẹp thứ 18 trong *Thần kinh nhị thập cảnh*, được khắc bia đá dựng tại hành cung Thần Phù trên sông Lợi Nông, bia hiện vẫn còn nguyên vẹn. Bài thơ như sau:

東林弋鳥

利農河之尾閭林坳青秀溝壑縈迴水長平堤無萬計芳洲鳥陣日銜遠岫盈千多古樹禽聲泛蘭舟兮鼓桂楫逐蘆岸兮過蘋洲遣閒觀德之遊纘武勵勤之事是為神京之第十八名勝也

潦退蘆肥洗綠莎
 江村秋樹夕陽斜
 空林隱約歸禽集
 小澗毘連泛鷁過

鎗擊鳧鷖風落葉
 彈飛鷗鷺雨殘葩
 河須詭遇非觀德
 但在無虛不在多



Bia khắc bài thơ *Đông Lâm đặc điệu* của vua Thiệu Trị, hiện còn tại thôn Lợi Nông, Thủy Phương, Hương Thủy. Ảnh: Đỗ Minh Điền.

Đông Lâm đặc điều

Lợi Nông Hà chi vĩ lư: Lâm ao thanh tú; Câu hác oanh hồi. Thủy trưởng bình đê, vô vạn kế phương châu điều trận; Nhật hàm viễn tụ, doanh thiên đa cổ thụ cảm thanh. Phiếm lan chu hề cổ quế tiếp; Trục lô ngạn hề quá tần châu. Khiển nhàn quan đức chi du; Toản vô lệ cần chi sự. Thị vi Thần kinh chi đệ thập bát danh thắng dã.

*Lạo thoái lô phi tẩy lục sa
Giang thôn thu thụ tịch dương tà
Không lâm ẩn ước phi cảm tập
Tiểu giản tỳ liên phiếm nghịch qua
Thương kích phù y phong lạc điệp
Đạn phi âu lộ vũ tàn ba
Hà tu quỹ ngộ phi quan đức
Đản tại vô hư bất tại đa*

Tạm dịch:

Bán chim ở rừng Đông

Ở đoạn cuối sông Lợi Nông: Vực rừng xanh tốt; Khe hóc quanh co. Nước dâng đê ngập, vô vàn bãi cỏ đàn chim; Nắng rạng non xa, chi xiết tiếng chim cây cỏ. Thả thuyền lan chừ chéo quế; Theo bờ lách chừ bãi tần. Muốn chơi xem cảnh hưởng nhàn; Phải gắng chăm công nổi nghiệp. Ấy là danh thắng thứ mười tám của đất Thần kinh vậy.

Sau lụt, lau tươi mượt cỏ sa,
Cây thu xóm bên ánh dương tà.
Rừng hoang thấp thoáng chim về đậu.
Khe nhỏ thung thẳm nghịch⁽⁷⁾ lội qua.
Súng nổ, vịt le rơi gió lá,
Đạn bay, cò vạc rụng mưa hoa.
Sao nên lừa lọc⁽⁸⁾ không theo đức,
Cốt trúng hơn nhiều ấy phép ta.

LN L - NCT

CHÚ THÍCH

- (1) Chữ này (bộ “nhật” bên trái và chữ “giao” bên phải [日+交], các từ điển Hán Việt của ta không ghi nhận, các phần mềm cũng thiếu), *Khang Hy tự điển* âm là Kiểu (古了切 *cổ liễu thiết*, 吉了切 *cát liễu thiết*, 並音繳 *tĩnh âm kiểu*), và chú là một cách viết khác của chữ 皎, âm Hán Việt có thể đọc Kiểu, Cảo, Hạo, Hiệu; nghĩa là màu trắng hay ánh sáng trắng của trăng. Nhiều tên của các ông hoàng bà chúa triều Nguyễn thuộc loại chữ hiếm như thế, không mấy khi được dùng ngay trong văn thơ, thậm chí có chữ không có trong từ vựng Trung Quốc (chữ sang tạo).

- (2) *Ngự chế thi* của vua Minh Mạng gồm 6 tập, từ Sơ tập đến Lục tập. Đây là bộ *Ngự chế thi* chưa được phiên dịch và công bố.
- (3) Những bài thơ dưới đây do Lê Nguyễn Lưu dịch.
- (4) Vạn Bảo: cũng như Vạn Thọ, là lễ mừng sinh nhật của vua.
- (5) Từ trước, họ xưng là Nguyễn Phúc, bắt đầu từ chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Các thành viên đặt tên tùy tiện, nhưng phần nhiều dùng chữ Hán bộ “thủy”, về sau cũng dùng bộ “nhật”. Vua Gia Long đã dự định đổi gọi con cháu “liệt thánh” là “tôn thất”, nhưng chưa thực hiện được, sau khi vua Minh Mạng lên ngôi, mới bắt đầu sắp xếp dòng họ mình. Ông chia hoàng tộc làm hai hệ: tiền hệ và chính hệ. Tiền hệ gồm dòng dõi các chúa trước, con trai được gọi là *tông thất*, thời Thiệu Trị đổi gọi là *tôn thất* (hủy chữ Tông), con gái được gọi là *tông nữ* (*tôn nữ*), rồi trở thành họ phái sinh; và con cháu họ thì tùy từng đời mà gọi là công tử - công nữ, công tôn - công tôn nữ, công tăng tôn - công tăng tôn nữ, công huyền tôn - công huyền tôn nữ. Con cháu của vua Gia Long trở về sau thì chia làm phiên hệ và đế hệ. Phiên hệ gồm anh em của vua Minh Mạng (con vua Gia Long), mỗi người lập thành một phòng, mỗi phòng được ban một bài tứ tuyệt, gọi là *Phiên hệ thi*, từng đời theo thứ tự lấy đặt chữ thứ nhất cho tên kép, chữ thứ hai thì lần lượt lấy “ngũ hành tương sinh” làm bộ; nữ thì con gái của ông hoàng gọi là công nữ (có thể dùng thêm từ “thị” hay không); con gái của con trai ông hoàng (công tử) gọi là công tôn nữ; con gái của công tử (công tôn) gọi là công tăng tôn nữ; con gái của công tôn (công tăng tôn) gọi là công huyền tôn nữ; con gái của công tăng tôn trở về các đời sau vẫn đều gọi là công huyền tôn nữ, mãi mãi không đổi. Các con vua Minh Mạng cũng chia mỗi người làm một phòng, nhưng đều có chung một bài thơ gọi là *Đế hệ thi*. Tất cả do vua Minh Mạng chuẩn bị ngay từ lúc mới lên ngôi, rồi cho đặt triều nghi tại điện Thái Hòa, tổ chức buổi lễ long trọng để công bố ngày mùng 10 tháng Tư năm Quý Mùi (20/5/1823).
- (6) *Ngự chế thi* của vua Thiệu Trị gồm 4 tập, từ Sơ tập đến Tứ tập. Đây là bộ *Ngự chế thi* chưa được phiên dịch và công bố.
- (7) Nghịch: một giống chim sống ở nước. Có thể là loài le le, vịt nước, sống nhiều ở vùng ao hồ có lau lách.
- (8) Lừa lọc: dịch từ “quỷ ngộ”, chỉ việc cầm cương đánh xe không đúng phép, lộn xộn, lừa lọc. Xem thêm sách *Mạnh tử*, thiên *Đẳng Văn công hạ*.

TÓM TẮT

Bài viết giới thiệu một số bài thơ viết về sông Lợi Nông trích từ các tập *Ngự chế thi* của vua Minh Mạng và Thiệu Trị, đây là những tác phẩm chưa được dịch thuật và xuất bản. Ngoài mạch cảm hứng ca ngợi cảnh đẹp của con sông Lợi Nông, các bài thơ này còn bộc lộ rõ tư tưởng cần chính ái dân của các vị vua đầu triều Nguyễn, trong đó tinh thần “mẫn nông” (thương nhà nông) được đặt lên hàng đầu, vì nghề nông là thiết yếu bậc nhất đối với cuộc sống xã hội trong thời đại bấy giờ.

ABSTRACT

LỢI NÔNG RIVER IN THE POEMS OF EMPERORS MINH MẠNG AND THIỆU TRỊ

The article introduces some poems from the poetry collections composed by Emperors Minh Mạng and Thiệu Trị about Lợi Nông River, which are untranslated and unpublished works. Apart from the inspiration about the beautiful scenery of Lợi Nông River, these poems also express the benevolent thoughts of the early kings of the Nguyễn Dynasty, in which the spirit of “love for peasants” is the priority, because farming is the most essential for social life at that time.